TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HSST
Ngày 10-08-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khoe
Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2022/HSST ngày 30 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 07 năm 2022, đối với bị cáo:

1. Hoàng Văn G (tên gọi khác: Tẻo), sinh ngày 06-12-1989 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 62/23 T, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nơi ở: 334/28/2 L, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Hoàng Thị Q; Tiền sự : không.

Tiền án:

- Bản án số 207/2008/HSST ngày 15-07-2008 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 30-04-2012.

- Bản án số 94/2013/HSPT ngày 07-08-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 năm tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05-02-2021.

Bị bắt ngày 03 tháng 03 năm 2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

2.Bùi Thị H, sinh ngày 16-08-1984 tại tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội B, thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh

Phúc; nơi ở: 442/2A B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: thu mua phế liệu; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị T (chết); chồng: Kim Văn Q, có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 03 tháng 03 năm 2022; Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số 07/QĐ-Đ2 ngày 06-03-2022, áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 55/LC-Đ2 ngày 06-03-2022 (bị cáo tại ngoại - có mặt).

Bị hại: Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa -Vũng Tàu - Người đại diện ủy quyền: Ông Ngô Quốc H, sinh năm 1970 - Địa chỉ: Số 9 H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1971 – Địa chỉ: Số 62/23 T, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Số 394 B, phường N, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn G đã hai lần bị kết án, chấp hành xong hình phạt tù, G vẫn nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là những đồng hồ nước trước cửa các nhà dân bán lấy tiền tiêu xài. G chuẩn bị 01 kìm sắt, 01 bao tải loại bao xác rắn màu trắng rồi điều khiển xe mô tô hiệu SYM Attila màu đen, biển số 73V1-7609 đi từ khoảng sau 00 giờ đến 05 giờ hàng đêm dọc các tuyến đường trên địa bàn thành phố Vũng Tàu để lấy trộm đồng hồ nước thuộc quyền quản lý của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa -Vũng Tàu.

Khi đến hiện trường, G khóa đồng hồ nước, dùng kìm sắt cắt đứt sợi dây chì kẹp của đồng hồ, tháo hai đầu ống nước gắn vào đồng hồ, lấy đồng hồ nước bỏ vào bao tải mang lên xe tiếp tục đi tìm đồng hồ nước khác để trộm cắp.

Với phương thức thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2022 đến ngày 02 tháng 03 năm 2022, tại các tuyến đường thuộc nhiều phường khác nhau của thành phố Vũng Tàu, G đã trộm cắp tổng cộng 106 đồng hồ nước các loại hiệu Itron, Arad, Sensus. Trong số 106 đồng hồ nước hầu hết có giá trị từ 50.000 đồng đến 1.000.000 đồng, trong đó có 02 cái có giá trị là 4.000.000 đồng. Ngày nhiều nhất G trộm cắp được 13 cái, ngày ít nhất G trộm cắp được 01 cái.

Sau khi lấy trộm được tài sản, lần đầu tiên G mang đến tiệm thu mua phế liệu ở địa chỉ 394 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bán cho bà Nguyễn Thị H 09 đồng hồ nước. Khi mang đến bán, G để trong túi đen, bà Hiếu nghĩ là sắt vụn nên cân ký thu mua theo giá sắt vụn trả cho G 450.000 đồng. Lần thứ hai, G mang các đồng hồ nước bán cho bà H nhưng do nghi ngờ là tài sản phạm pháp nên bà H không mua nữa.

Từ các lần sau (gồm 04 lần trong tháng 1, 04 lần trong tháng 2 và 01 lần trong tháng 3) do không bán được cho bà H nữa nên G mang đến tiệm thu mua phế liệu ở địa chỉ số 442/2A Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu bán cho Bùi Thị H với giá 50.000đ/01 chiếc. H biết rõ những chiếc đồng hồ nước này là tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên H vẫn mua, mỗi lần H mua khoảng từ 9 đến 13 cái.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá xác giá trị tài sản bị chiếm đoạt: Tổng 106 đồng hồ nước trị giá 24.790.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn G và Bùi Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bản cáo trạng số 144/CT-VKS ngày 17-06-2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Hoàng Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Bùi Thị H về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo G thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản", hành vi bị cáo H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" . Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo G mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H mức án từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Vũng Tàu và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh "Trộm cắp tài sản": Tại phiên tòa bị cáo G xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến ngày 02-03-2022, tại địa bàn các phường thuộc thành phố Vũng Tàu; bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tổng cộng 106 đồng hồ nước trị giá 24.790.000 đồng của bị hại.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Xét bị cáo G đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi bị cáo G thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tội danh "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": Tại phiên tòa bị cáo H xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến ngày 02-03-2022, bị cáo đã nhiều lần mua đồng hồ nước của G với giá 50.000 đồng/chiếc. Xét lời khai nhận tội của bị cáo H tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo G, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét bị cáo H không có sự thỏa thuận hứa hẹn gì trước với bị cáo G nhưng khi biết rõ số đồng hồ nước do G bán là tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng vẫn mua để bán lại nhằm mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy, hành vi bị cáo H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại; gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương; làm ảnh hưởng đến cuộc sống

sinh hoạt bình thường của nhiều người dân. Nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội nhiều lần (bị cáo G ba lần thực hiện tội phạm mà tài sản trị giá trên 2.000.000 đồng); nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo H ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Nên bị cáo G được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt:

Xét bị cáo G đã có hai tiền án, bị xử phạt về tội rất nghiêm trọng với mức án rất cao nhưng không có ý thức ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi; sau khi chấp hành án xong lại tiếp tục thực hiện tội phạm; nên cần xử phạt bị cáo G mức án nghiêm nhằm giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ, tôn trọng pháp luật.

Xét bị cáo H có ba tình tiết giảm nhẹ, phạm tội nhiều lần nhưng chỉ là tội phạm ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo chỉ là người lao động thu nhập thấp, có hai con đang độ tuổi đi học, đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-04-2022 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo H được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự để bị cáo có điều kiện tự cải tạo, tiếp tục làm việc tạo thu nhập nuôi các con ăn học.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại xác định bị cáo H đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo G bồi thường tài sản bị mất số tiền còn lại 14.790.000 đồng.

- Tại phiên toà, bị cáo G đồng ý bồi thường tài sản bị mất số tiền 14.790.000 đồng cho bị hại.

Xét yêu cầu của bị hại có căn cứ, bị cáo G tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại theo yêu cầu, nên công nhận sự thỏa thuận này.

- Người liên quan bà Q không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo G, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng :

- 01 kìm kim loại màu đen, cán bọc nhựa màu vàng đen; bị cáo G sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 quần Jeans nam dài màu xanh xám, 01 áo khoác màu đen, 01 đôi dép nhựa màu đen sọc đỏ của bị cáo G; những tài sản này đã cũ không còn giá trị sử dụng, bị cáo G không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

- 34 đồng hồ nước là tài sản hợp pháp của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa -Vũng Tàu; nên trả lại cho Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Số tiền 400.000 đồng thu của bị cáo G, là tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Xe mô tô hiệu SYM Attila màu đen biển số 73V1 – 7609 là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị Q (mẹ bị cáo G). Bà Q không biết việc G sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 73V1 – 7609 cho bà Bùi Thị Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 47/QĐ-Đ2 ngày 30-05-2022. Sau khi nhận lại tài sản, bà Q không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn G phạm tội " Trộm cắp tài sản"; bị cáo Bùi Thị H phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Hoàng Văn G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 03 năm 2022.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; khoản 1 Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt Bùi Thị H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10-08-2022.

- Giao bị cáo Bùi Thị H cho Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bùi Thị H. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của

Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự; Hoàng Văn G có nghĩa vụ phải bồi thường tài sản bị mất số tiền còn lại 14.790.000 đ (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) cho Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa -Vũng Tàu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Xử lý vật chứng :

- Tịch thu tiêu hủy: 01 kìm kim loại màu đen, cán bọc nhựa màu vàng đen; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 quần Jeans nam dài màu xanh xám; 01 áo khoác màu đen, 01 đôi dép nhựa màu đen sọc đỏ.

- Trả lại 34 đồng hồ nước cho Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 203/BB-CCTHADS ngày 20-07-2022 và Giấy nộp tiền mặt số 18083839 ngày 25-07-2022.

4. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo G phải nộp 740.000 đồng (bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Công an TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo